KẾ HOẠCH TUẦN 01 THÁNG 09

Chủ Đề: Trở lại trường

(Từ Ngày 08/09/2025 đến ngày 12/09/2025)

Giáo Viên : Nguyễn Lê Thanh- Nguyễn Thị Bé Thơm.

	THỜI GIAN	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
BUỔI SÁNG	**6:45 - 7:15**	Đón trẻ/ Trực nhật				
	7:15 - 7:30	Thể dục sáng				
	7:30 - 8:00	Ăn sáng - Vệ sinh				
	8:00 - 8:15	Sinh hoạt vòng tròn đầu ngày/ Điểm Danh Checkboard thói quen tốt / Trao yêu thương đầu ngày / Chủ đề của hôm nay / Điều con muốn nói				
	8:15 - 8:45	**Toán học** Ôn nhận biết chữ số 1,2,3,4,5	**Song** **My cool new marker** **Keywords: Review:** book, marker, pencil, crayon, picture, tape, new **New words:** pink, purple, journal, backpack, jacket **Key language:** What do you see? I see a (pink book) - Is this your (marker)? Yes, thanks.	**Rèn luyện thể chất**	**Logical Thinking** **Review counting to 10** **Keywords:** 1- 10 **Key language:** How many crayons are there? There are 10 crayons	**Cảm thụ âm nhạc** Body percusion "JIBIDI"
	8:45 - 9:00	Uống sữa hoặc bổ sung trái cây				
	9:00- 9:30	**Trò chơi dân gian** Trốn tìm	**Story** **We take turn** **Keywords: Review:** book, marker, pencil, crayon, picture, tape, new **New words:** pink, purple, journal, backpack, jacket **Key language:** What do you see? I see a (pink book) - Is this your (marker)? Yes, thanks.	**Hoạt động ngoài trời** Di chuyển trong đường hẹp	**Logical Thinking** **Review counting to 10** **Keywords:** 1- 10 **Key language:** How many crayons are there? There are 10 crayons	**Làm quen chữ viết tiếng việt** Kỹ năng ngồi đúng tư thế

	9:30 - 10:00	**Language & Expression** **School is cool** **Keywords: Review:** book, marker, pencil, crayon, picture, tape, new **New words:** pink, purple, journal, backpack, jacket **Key language:** What's this? It's a book - Is this your (marker)? Yes, thanks.	**Playtime Activity 2** **My cool new marker** **Keywords: Review:** book, marker, pencil, crayon, picture, tape, new **New words:** pink, purple, journal, backpack, jacket **Key language:** What do you see? I see a (pink book) - Is this your (marker)? Yes, thanks.	**Phonics** **Short vowel a** **Keywords:** cat, yak, ant, ax **Key language:** Does "cat" have the /a/ sound in the middle or at the beginning? in the middle/ at the beginning	**Playtime Activity 4** **Review counting to 10** **Keywords:** 1- 10 **Key language:** How many crayons are there? There are 10 crayons	**Review** **Review all the learned content.**
	10:00 -10:30	**Giáo dục cảm xúc/ lịch thiệp nhã nhặn** Soi gương khuôn mặt	**Khám phá khoa học/ công nghệ** Thiết kế quạt pin mini	**Khám phá thực phẩm** Nhặt rau củ, phân loại theo kích cỡ, màu sắc	**Thuyết trình** Giới thiệu bản thân	**MTXH - MTTN** Khám phá lớp học của bé
	10:30 - 11:45	Vệ sinh chuẩn bị giờ ăn - Ăn trưa - Vệ sinh chuẩn bị giờ ngủ				
	11:45 - 13:45	Ngủ trưa				
	13:45 - 14:30	Ăn Xế - Vận động theo nhạc - Vệ sinh cá nhân - Thay quần áo				
ÊU	**14:30 - 15:00**	**Language & Expression** **School is cool** **Keywords: Review:** book, marker, pencil, crayon, picture, tape, new **New words:** pink, purple, journal, backpack, jacket **Key language:** What do you see? I see a (pink book) - Is this your (marker)? Yes, thanks.	**Hoạt động cá nhân** Ôn trải - cuộn thảm	**Phonics** **Short vowel a** **Keywords:** cat, yak, ant, ax **Key language:** Does "cat" have the /a/ sound in the middle or at the beginning? in the middle/ at the beginning	**Logic** Xác định vị trí trên dưới so với vật	**Review** **Show and tell**

BUỔI CHI	**15:00 - 15:30**	**Playtime Activity 1** **What do you see?** **Keywords: Review:** book, marker, pencil, crayon, picture, tape, new **New words:** pink, purple, journal, backpack, jacket **Key language:** What's this? It's a book - Is this your (marker)? Yes, thanks.	**Hoạt động với nước** Giới thiệu môn học và nội quy lớp học	**Playtime Activity 3** **Short vowel a** **Keywords:** cat, yak, ant, ax **Key language:** Does "cat" have the /a/ sound in the middle or at the beginning? in the middle/ at the beginning	**Hoạt động với nước** Giới thiệu môn học và nội quy lớp học 2	**Playtime Activity 5** **Review all the learned content**
	15:30- 16:00	**Mỹ thuật** Vẽ trường của bé	**Hình học** Phân biệt cap - thấp, dài- ngắn	**Điêu khắc** Làm quen với đường khắc	**Nặn** Tập nhào đất nặn	**Võ nhạc** Lập pháp - Bài khởi động
	16:00- 16:30	Trực nhật/ sắp xếp lớp học/ Sinh hoạt vòng tròn				
	16:30 - 17:00	Thủ tục chia tay cuối ngày / Trả trẻ / Học ngoài giờ				

KẾ HOẠCH TUẦN 02 THÁNG 09

Chủ Đề: Bạn và tôi

(Từ Ngày 15/09/2025 đến ngày 19/09/2025)

Giáo Viên : Nguyễn Lê Thanh- Nguyễn Thị Bé Thơm.

THỜI GIAN	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6:45 - 7:15	**Đón trẻ/ Trực nhật**				
7:15 - 7:30	**Thể dục sáng**				
7:30 - 8:00	**Ăn sáng - Vệ sinh**				
8:00 - 8:15	**Sinh hoạt vòng tròn đầu ngày/ Điểm Danh** **Checkboard thói quen tốt / Trao yêu thương đầu ngày / Chủ đề của hôm nay / Điều con muốn nói**				
8:15 - 8:45	**Toán học** Ôn tập nhận biết lượng từ 1 đến 5	**Song** **Use your eyes** **Keywords:** Review: eyes, ears, mouth, nose, hair, fingers, hands, legs New words: see, smell, hear, touch, feel **Key language:** How can you (see)? - I can (see) with my (eyes)	**Rèn luyện thể chất**	**Logical Thinking** **Review counting to 11-15** **Keywords:** 11-15 **Key language:** What number is this? 11	**Cảm thụ âm nhạc** Body percusion "JIBIDI"
8:45 - 9:00	**Uống sữa hoặc bổ sung trái cây**				

BUỔI SÁNG	**9:00- 9:30**	**Trò chơi dân gian** Ném còn	**Story** **What is it?** **Keywords:** Review: eyes, ears, mouth, nose, hair, fingers, hands, legs New words: see, smell, hear, touch, feel **Key language:** How can you (see)? - I can (see) with my (eyes)	**Hoạt động ngoài trời** Bài tập với vòng	**Logical Thinking** **Review counting to 11-15** **Keywords:** 11-15 **Key language:** What number is this? 11	**Làm quen chữ viết tiếng việt** Kỹ năng cầm viết đúng cách
	9:30 - 10:00	**Language & Expression** **Review body parts** **Keywords:** Review: eyes, ears, mouth, nose, hair, fingers, hands, legs New words: see, smell, hear, touch, feel **Key language:** What's this? It's my nose What are these? These are my fingers	**Playtime Activity 2** **What is it?** **Keywords:** Review: eyes, ears, mouth, nose, hair, fingers, hands, legs New words: see, smell, hear, touch, feel **Key language:** How can you (see)? - I can (see) with my (eyes)	**Phonics** **Short vowel a - am** **Keywords:** am, ram, jam, dam, yam **Key language:** Can you blend the word "ram"? r-a-m-ram	**Playtime Activity 4** **Getting to know number 11 - 15** **Keywords:** 11-15 **Key language:** What number is this? 11	**Review** **Review all the learned content**
	10:00 -10:30	**Lịch thiệp nhã nhặn** Sử dụng lời " cám ơn, xin lỗi" đúng cách	**Khám phá khoa học** Thí nghiệm tạo hình khói	**Khám phá thực phẩm** Rửa rau củ và rau gia vị kỹ càng	**Cảm thụ tác phẩm văn học** Thỏ con đi học	**MTTN** Khám phá sự phát triển của cơ thể
	10:30 - 11:45	Vệ sinh chuẩn bị giờ ăn - Ăn trưa - Vệ sinh chuẩn bị giờ ngủ				
	11:45 - 13:45	Ngủ trưa				
	13:45 - 14:30	Ăn Xế - Vận động theo nhạc - Vệ sinh cá nhân - Thay quần áo				

BUỔI CHIỀU	**14:30 - 15:00**	**Language & Expression** **My 5 senses** **Keywords:** Review: eyes, ears, mouth, nose, hair, fingers, hands, legs New words: see, smell, hear, touch, feel **Key language:** How can you (see)? - I can (see) with my (eyes)	**Hoạt động cá nhân** Di chuyển nhóm bàn ghế phối hợp	**Phonics** **Short vowel a - am** **Keywords:** am, ram, jam, dam, yam **Key language:** Can you blend the word "ram"? r-a-m-ram	**Logic** Ôn tập xác định vị trí trên dưới của đối tượng	**Review** **Show and tell**
	15:00 - 15:30	**Playtime Activity 1** **My 5 senses** **Keywords:** Review: eyes, ears, mouth, nose, hair, fingers, hands, legs New words: see, smell, hear, touch, feel **Key language:** How can you (see)? - I can (see) with my (eyes)	**Hoạt động với nước** Làm quen môi trường nước	**Playtime Activity 3** **Short vowel a - am** **Keywords:** am, ram, jam, dam, yam **Key language:** Can you blend the word "ram"? r-a-m-ram	**Hoạt động với nước** Làm quen môi trường nước P2	**Playtime Activity 5** **Review all the learned content.**
	15:30- 16:00	**Thủ công** Xếp vòng tay và trang trí	**Hình học** Ôn tập cao - thấp, dài-ngắn	**Điêu khắc** Khắc họa tiết hình vuông	**Nặn** Nặn hình vuông	**Võ nhạc** Làm quen với động tác chào của võ cổ truyền
	16:00- 16:30	Trực nhật/ sắp xếp lớp học/ Sinh hoạt vòng tròn				
	16:30 - 17:00	Thủ tục chia tay cuối ngày / Trả trẻ / Học ngoài giờ				

KẾ HOẠCH TUẦN 03 THÁNG 09

Chủ Đề: Gia đình tôi

(Từ Ngày 22/09/2025 đến ngày 26/09/2025)

Giáo Viên : Nguyễn Lê Thanh- Nguyễn Thị Bé Thơm.

THỜI GIAN		THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
	6:45 - 7:15	**Đón trẻ/ Trực nhật**				
	7:15 - 7:30	**Thể dục sáng**				
	7:30 - 8:00	**Ăn sáng - Vệ sinh**				
	8:00 - 8:15	**Sinh hoạt vòng tròn đầu ngày/ Điểm Danh** **Checkboard thói quen tốt / Trao yêu thương đầu ngày / Chủ đề của hôm nay / Điều con muốn nói**				
	8:15 - 8:45	**Toán học** Ôn tập nhận biết chữ số từ 6 đến 9	**Song** **Hello Mom** **Keywords:** Review: mom, dad, grandpa, grandma, sister, brother New words: bedroom, living room, bathroom, house **Key language:**Where are you? I'm in the (bedroom) Where's mom? She's in the (bathroom)	**Rèn luyện thể chất**	**Logical Thinking** **Review counting to 15** **Keywords:** 1- 15 **Key language:** How many are there in your house? 3 rooms How many chairs are there in your house? 10 chairs	**Cảm thụ âm nhạc** GTHC: Kẻng tam giác, trống da, stick, song loan
	8:45 - 9:00	**Uống sữa hoặc bổ sung trái cây**				

BUỔI SÁNG	**9:00- 9:30**	**Trò chơi dân gian** Nhảy cóc	**Story** **Our families** **Keywords:** Review: mom, dad, grandpa, grandma, sister, brother New words: bedroom, living room, bathroom, house **Key language:**Where are you? I'm in the (bedroom) Where's mom? She's in the (bathroom)	**Hoạt động ngoài trời** Tiếp nối bước chân	**Logical Thinking** **Review counting to 15** **Keywords:** 1- 15 **Key language:** How many are there in your house? 3 rooms How many chairs are there in your house? 10 chairs	**Làm quen chữ viết tiếng việt** Làm quen các nét cơ bản: nét thẳng, nét ngang
	9:30 - 10:00	**Language & Expression** **At home** **Keywords:** Review: mom, dad, grandpa, grandma, sister, brother New words: bedroom, living room, bathroom, house **Key language:**Where are you? I'm in the (bedroom) Where's mom? She's in the (bathroom)	**Playtime Activity 2** **Our families** **Keywords:** Review: mom, dad, grandpa, grandma, sister, brother New words: bedroom, living room, bathroom, house **Key language:**Where are you? I'm in the (bedroom) Where's mom? She's in the (bathroom)	**Phonics** **Short vowel a - an** **Keywords:** an, fan, man, can, pan **Key language:** Can you blend the word "man"? m-a-n-man	**Playtime Activity 4** **Keywords:** 1- 15 **Key language:** How many are there in your house? 3 rooms How many chairs are there in your house? 10 chairs	**Review** **Review all the learned content**
	10:00 -10:30	**Giáo dục cảm xúc** Mục tiêu hòa hợp (1)	**Công nghệ** Thiết kế ngôi nhà	**Khám phá thực phẩm** Cắt rau củ cứng (cà rốt, su hào)	**Thuyết trình** Gia đình nhỏ xinh	**MTXH** Tìm hiểu các loại nhà khác nhau
	10:30 - 11:45	Vệ sinh chuẩn bị giờ ăn - Ăn trưa - Vệ sinh chuẩn bị giờ ngủ				
	11:45 - 13:45	Ngủ trưa				
	13:45 - 14:30	Ăn Xế - Vận động theo nhạc - Vệ sinh cá nhân - Thay quần áo				

BUỔI CHIỀU	**14:30 - 15:00**	**Language & Expression** **At home** **Keywords:** Review: mom, dad, grandpa, grandma, sister, brother New words: bedroom, living room, bathroom, house **Key language:**Where are you? I'm in the (bedroom) Where's mom? She's in the (bathroom)	**Hoạt động cá nhân** Ôn chuyển vật đa dạng công cụ	**Phonics** **Short vowel a - an** **Keywords:** an, fan, man, can, pan **Key language:** Can you blend the word "man"? m-a-n-man	**Logic** Nhận biết trái - phải của đối tượng	**Review** **Show and tell**
	15:00 - 15:30	**Playtime Activity 1** **At home** **Keywords:** Review: mom, dad, grandpa, grandma, sister, brother New words: bedroom, living room, bathroom, house **Key language:**Where are you? I'm in the (bedroom) Where's mom? She's in the (bathroom)	**Hoạt động với nước** Giới thiệu dụng cụ hỗ trợ an toàn hồ bơi	**Playtime Activity 3** **Short vowel a - an** **Keywords:** an, fan, man, can, pan **Key language:** Can you blend the word "man"? m-a-n-man	**Hoạt động với nước** Giới thiệu dụng cụ hỗ trợ an toàn hồ bơi P2	**Playtime Activity 5** **Review all the learned content.**
	15:30- 16:00	**Hội họa** Tô màu gia đình bé	**Hình học** Ôn tập cao - thấp, dài-ngắn với trụ núm	**Điêu khắc** Khắc họa tiết khuôn mặt ba mẹ và bé	**Nặn** Nặn khuôn mặt ba mẹ và bé	**Võ nhạc** Cách nắm nắm đấm
	16:00- 16:30	Trực nhật/ sắp xếp lớp học/ Sinh hoạt vòng tròn				
	16:30 - 17:00	Thủ tục chia tay cuối ngày / Trả trẻ / Học ngoài giờ				

KẾ HOẠCH TUẦN 04 THÁNG 09

Chủ Đề: Tết trung thu

(Từ Ngày 29/09/2025 đến ngày 03/10/2025)

Giáo Viên : Nguyễn Lê Thanh- Nguyễn Thị Bé Thơm.

THỜI GIAN		THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
	6:45 - 7:15	**Đón trẻ/ Trực nhật**				
	7:15 - 7:30	**Thể dục sáng**				
	7:30 - 8:00	**Ăn sáng - Vệ sinh**				
	8:00 - 8:15	**Sinh hoạt vòng tròn đầu ngày/ Điểm Danh** **Checkboard thói quen tốt / Trao yêu thương đầu ngày / Chủ đề của hôm nay / Điều con muốn nói**				
	8:15 - 8:45	**Toán học** Ôn tập nhận biết lượng từ 6 đến 9	**Song** **Mid-Autumn Festival Folk Song** **Mid Autumn Festival** **Keywords:** Review: moon, mooncake, lantern, star, New words: jade rabbit, banyan tree, mid-autumn festival **Key language:**What can you see? I can see (the moon)	**Rèn luyện thể chất**	**Logical Thinking** **Review counting to 15** **Keywords:** 1- 15 **Key language:** How many are there in your house? 3 rooms How many chairs are there in your house? 10 chairs	**Cảm thụ âm nhạc** Học hát " Chiếc đèn ông sao"
	8:45 - 9:00	**Uống sữa hoặc bổ sung trái cây**				

BUỔI SÁNG	**9:00- 9:30**	**Trò chơi dân gian** Ô ăn quan	**Story** **Mid-Autumn Festival** **Keywords:** Review: moon, mooncake, lantern, star, New words: jade rabbit, banyan tree, mid-autumn festival **Key language:**What can you see? I can see (the moon)	**Hoạt động ngoài trời** Chạy nhanh	**Logical Thinking** **Review counting to 15** **Keywords:** 1- 15 **Key language:** How many are there in your house? 3 rooms How many chairs are there in your house? 10 chairs	**Làm quen chữ viết tiếng việt** Làm quen các nét cơ bản: nét xiên trái, nét xiên phải
	9:30 - 10:00	**Language & Expression** **Mid Autumn Festival** **Keywords:** Review: moon, mooncake, lantern, star, New words: jade rabbit, banyan tree, mid-autumn festival **Key language:**What can you see? I can see (the moon)	**Playtime Activity 2** **Mid-Autumn Festival** **Keywords:** Review: moon, mooncake, lantern, star, New words: jade rabbit, banyan tree, mid-autumn festival **Key language:**What can you see? I can see (the moon)	**Phonics** **Phonics Story** **Keywords:** am, ram, jam, dam, yam, an, fan, man, can, pan, **Key language**:Can you blend the word "man"? -d-a-d-dad	**Playtime Activity 4** **Keywords:** 1- 15 **Key language:** How many are there in your house? 3 rooms How many chairs are there in your house? 10 chairs	**Review** **Review all the learned content**
	10:00 -10:30	**Lịch thiệp nhã nhặn** Không chen lấn, xô đẩy khi đợi	**Thí nghiệm** Thí nghiệm trang trí quạt giấy	**Khám phá thực phẩm** Gọt vỏ quả bơ, xoài	**Cảm thụ tác phẩm văn học** Trung thu của cừu trắng	**MTTN** Khám phá các loại thiên thể
	10:30 - 11:45	Vệ sinh chuẩn bị giờ ăn - Ăn trưa - Vệ sinh chuẩn bị giờ ngủ				
	11:45 - 13:45	Ngủ trưa				
	13:45 - 14:30	Ăn Xế - Vận động theo nhạc - Vệ sinh cá nhân - Thay quần áo				

BUỔI CHIỀU	**14:30 - 15:00**	**Language & Expression** **Mid Autumn Festival** **Keywords:** Review: moon, mooncake, lantern, star, New words: jade rabbit, banyan tree, mid-autumn festival **Key language:**What can you see? I can see (the moon)	**Hoạt động cá nhân** Chuyển vật bằng tay	**Phonics** **Phonics Story** **Keywords:** am, ram, jam, dam, yam, an, fan, man, can, pan, **Key language**:Can you blend the word "man"? -d-a-d-dad	**Logic** Nhận biết các ngày trong tháng	**Review** **Show and tell**
	15:00 - 15:30	**Playtime Activity 1** **Mid Autumn Festival** **Keywords:** Review: moon, mooncake, lantern, star, New words: jade rabbit, banyan tree, mid-autumn festival **Key language:**What can you see? I can see (the moon)	**Hoạt động với nước** Giới thiệu dụng cụ hỗ trợ an toàn hồ bơi P3	**Playtime activity 3** **Phonics Story** **Keywords:** am, ram, jam, dam, yam, an, fan, man, can, pan, **Key language**:Can you blend the word "man"? -d-a-d-dad	**Hoạt động với nước** Giới thiệu dụng cụ hỗ trợ an toàn hồ bơi P4	**Playtime Activity 5** **Review all the learned content.**
	15:30- 16:00	**Thủ công** Làm lồng đèn con thỏ	**Hình học** Ôn tập cao - thấp, dài-ngắn với trụ màu	**Điêu khắc** Khắc họa tiết bánh trung thu	**Nặn** Bánh trung thu	**Vô nhạc** Tấn pháp: Lập tấn, miêu tấn, trung bình tấn
	16:00- 16:30	Trực nhật/ sắp xếp lớp học/ Sinh hoạt vòng tròn				
	16:30 - 17:00	Thủ tục chia tay cuối ngày / Trả trẻ / Học ngoài giờ				